TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS - ST
Ngày: 31/8/2022
V/v: Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

`

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Hồng Đức

2. Ông Hà Phương Đông

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST – DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 7 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1946; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Văn Đ: Ông Triệu Du N – Luật sư Văn phòng luật sư Triệu Du L, thuộc Đoàn luật sư Tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Ấp 5, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Bị đơn: Ông Đặng Thanh N; sinh năm: 1974; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Giang Văn T; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Bà Nguyễn Thị B; ông Đặng Thanh B; ông Đặng Thanh P; ông Đặng Hoàng T; ông Đặng Thanh V; ông Đặng Trường G; ông Đặng Văn Đ; ông Đặng Văn Đ1; Cùng địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Ông Lữ Văn N; sinh năm: 1965; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Bà Giang Thị N; sinh năm: 1947; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1946; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/7/2022) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lý Văn Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào năm 1975, ông Lý Văn Đ có nhận chuyển nhượng của ông Đ Văn L, cùng cư ngụ tại âp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng 03 công đất ruộng (tầm 3m). Sau đó ông Đ đào liếp lên vườn và cất nhà ở. Đến năm 1991 – 1992, ông Đ có nhận chuyển nhượng thêm của ông Giang Văn T, cùng ngụ tại ấp Sóc Dong 03 công đất vườn cũng tọa lạc tại âp S, xã T. Đến năm 1998, ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0042/QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 19/01/1998.

Ngày 31/7/2019, ông Đặng Thanh N cho rằng đất của ông mua của ông Giang Văn T còn thừa 03 công, nên ông N ngăn cản và ông N chiếm lấy phần đất này canh tác. Phần đất ông N lấn chiếm có chiều ngang 15m, dài 80m, tổng diện tích 1200m^2, thuộc 01 phần thửa 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, Sóc Trăng.

Ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông N trả lại phần đất lấn chiếm có chiều ngang 15m, dài 80m, tổng diện tích 1200m^2, thuộc 01 phần thửa 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, Sóc Trăng.

Ngày 17/2/2022, cũng như tại phiên tòa ông Lý Văn Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc ông N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 771,1m^2, thuộc 01 phần thửa 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, Sóc Trăng theo Phiếu kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 27/8/2020.

Ông Đ thống nhất với giá trị phần đất tranh chấp là 50.000đ/m^2.

Tại tờ tường trình ngày 20/6/2021 và đơn yêu cầu phản tố lập ngày 29/6/2021, bị đơn ông Đặng Thanh N trình bày: Nguyên đất của ông và đất của ông Đ giáp ranh, nhưng hai bên chưa cặm ranh. Lúc làm quyền sử dụng đất, ông Đ cố ý kê khai dư diện tích trong tờ bản đồ số 01, thửa 731. Đất của ông Lý Văn Đ là 06 công tầm 03m, diện tích 7.776m^2. Nhưng ông Đ kê khai làm quyền sử dụng đất là 8.250m^2, thừa diện tích 474m^2. Khi ông Đ làm giấy tờ đất, thì gia đình ông N không biết. Ông N yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ và buộc ông Đ trả lại phần đất thừa là 474m^2 cho ông Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bảy, ông Đặng Thanh B, ông

Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1.

Ngày 09/7/2021, Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 272/TB-TA đối với yêu cầu phản tố của ông Đặng Thanh N, nhưng quá hạn được thông báo thì ông N không có cung cấp cho Tòa án biên lai thu tiền. Tòa án đã có thông báo số 351/2021/TB-TA ngày 04/11/2021 về hậu quả của việc không cung cấp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho ông N, nhưng ông N từ chối nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng khác cho ông N, nhưng ông N cũng từ chối nhận. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Giang Văn T trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa ông Đ và ông N có nguồn gốc là do ông chuyển nhượng vào năm 1991 từ bà Nguyễn Thị B(mẹ ông Đặng Thanh N), khi chuyển nhượng thì ông và bà B có làm giấy tay là " Tờ sang vườn đức lập ngày 27/02/1991". Tại thời điểm chuyển nhượng, đất này là đất vườn, sau này mới ủi làm ruộng. Khi chuyển nhượng từ bà B thì các bên không có tiến hành cắm mốc, cặm ranh. Do bà B là chị vợ của ông, chị em trong nhà nên cũng không có xác định ranh. Tại thời điểm chuyển nhượng trên đất còn có bờ dừa, nên các bên thống nhất lấy bờ dừa làm ranh đất. Khi chuyển nhượng cho ông Đ, thì ông và ông Đ cũng không có cặm ranh, chỉ chiếu theo giấy tờ sang bán giữa ông và bà B và thực tế sử dụng đất. Hơn nữa, vợ ông Đ là chị ruột của ông, nên các bên cũng không cặm ranh. Khi chuyển nhượng đất cho ông Đ xong, thì ông Đ canh tác thời gian dài, không xảy ra tranh chấp. Đối với việc tranh chấp giữa ông N và ông Đ thì ông cho rằng ông Đ đã sang bán hợp pháp.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/12/2021, bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà có sang cho ông Giang Văn T 03 công vườn với giá 235 gia lúa. Kể từ khi sang nhượng, thì ông T canh tác, quản lý sử dụng, hai bên không có tranh chấp. Lúc sang nhượng thì hai bên cũng không cắm mốc, cặm ranh, chỉ bán trên giấy tờ, không có xác định ranh. Do ông T là em rể của bà. Sau này ông T bán đất cho ông Đ thì bà không biết. Ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà cũng không biết. Đối với việc tranh chấp giữa ông Đ và ông N, thì trước đây bà chỉ bán cho ông T là 03 công, sau này ông T cũng bán lại cho ông Đ 03 công, nhưng ông Đ đã lấn qua luôn phần đất của gia đình bà. Phần đất đang tranh chấp giữa ông N và ông Đ thì hiện tại không ai quản lý, sử dụng. Bà yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Đ trả lại phần đất dư cho gia đình bà cùng các con là ông Đặng Thanh N, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/3/2021, ông Lữ Văn N trình bày: Ông hiện đang canh tác phần đất đang tranh chấp giữa ông Đ và ông N. Vào năm 2006 ông có chuyển nhượng đất của ông Lý Văn Đ phần đất có diện tích 05 công tầm 03 m, có làm giấy tay vào ngày 20/4/2013. Hai bên đã thực hiện xong việc giao nhận tiền và giao đất, nhưng chưa thực hiện thủ tục tách thửa vì giấy tờ đất của ông Đ hiện đang thế chấp trên Ngân hàng. Khi sang nhượng thì hai bên không có cặm ranh,

ông Đ chỉ ranh thì ông canh tác, ông canh tác cũng trên mười mấy năm. Đến khi ông yêu cầu ông Đ cặm ranh cho rõ ràng thì giữa ông Đ và ông N tranh chấp. Đối với tranh chấp giữa ông Đ và ông N, thì ông không có ý kiến. Đối với phần đất mà ông và ông Đ chuyển nhượng thì ông chỉ lấy đủ số đất của ông. Trong vụ tranh chấp giữa ông Đ và ông N thì ông không có yêu cầu gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng nhưng các đương sự từ chối nhận. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bà Giang Thị N là ông Lý Văn Đ: Bà N thống nhất với lời trình bày của ông Đ. Trong vụ án này, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đặng Thanh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ, ông Lữ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lý Văn Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc ông N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 771,1m^2, thuộc 01 phần thửa 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế có diện tích 771,1m^2, thuộc một phần thửa 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như sau:

Hướng Đông: Giáp đất ông Trương Văn T có số đo 13,2m.

Hướng Tây: Giáp đất ông Trương Văn R có số đo 10,6m.

Hướng Bắc: Giáp phần không tranh chấp có số đo 70,3m+ 5,1m.

Hướng Nam: Giáp đất ông Đặng Thanh N (phần không tranh chấp) có số đo 63m + 4,6m.

Trên phần đất tranh chấp có 07 cây chuối loại A; 02 cây chuối loại B; cây cau 02 cây loại A và cây dừa 05 cây loại B.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Lý Văn Đ, về việc yêu cầu buộc ông Đ Thanh N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh D, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 771,1m^2, thuộc 01 phần thửa 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, Sóc Trăng. HĐXX nhận thấy:

Hộ ông Lý Văn Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0042/QSDĐ ngày 19/01/1998. Ông Đ trình bày nguồn gốc phần đất này là do ông chuyển nhượng từ ông Đ Văn L. Đến năm 1991 – 1992, ông Đ có sang thêm của ông Giang Văn T 03 công đất vườn. Ông T cũng thừa nhận mình có chuyển nhượng phần đất có diện tích 03 công cho ông Đ. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Do thời điểm chuyển nhượng, các bên không tiến hành đo đạc cụ thể, nhưng thống nhất phần đất mỗi người đang sử dung. Từ khi ông Đ nhận chuyển nhượng cho đến khi ông Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đến năm 2019, một quá trình sử dụng lâu dài, bị đơn và gia đình bị đơn đều không ai ngăn cản hay tranh chấp về diện tích đã chuyển nhượng. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 05/7/2022 tại Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, chính quyền địa phương cũng cho biết từ trước đến nay tại địa phương không có thực hiện chính sách trang trải ruộng đất hay chính sách đất đai đối với phần đất ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có thể khẳng định phần đất của ông Đ được cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn L và ông Giang Văn T. Do đó Tòa án không đưa những thành viên trong hộ ông Lý Văn Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo Phiếu kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 27/8/2020, theo chỉ dẫn của các bên đương sự thể hiện phần diện tích đất tranh chấp 771,1m^2 theo bản vẽ có vị trí nằm hoàn toàn trên thửa đất số 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông Lý Văn Đ.

Tại văn bản trả lời số 577/UBND-VP ngày 28/6/2021, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng và văn bản số 11/PTNMT ngày 09/6/2022 Phòng Tài nguyên và

môi trường cung cấp thông tin: " *Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 401342 cấp cho hộ ông Lý Văn Đ tại thửa số 731, diện tích 8.250m^2, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Quá trình đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích là 8.545,2m^2 (trong đó có phần diện tích tranh chấp là 771,1m^2), chênh lệch tăng 295,2m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 401342 cấp cho hộ ông Lý Văn Đ là do căn cứ hiện trạng sử dụng đất được đo bằng máy điện tử ATK (GPS), tính diện tích bằng phần mềm chuyên dụng (Micro Station), đối với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận là theo bản đồ địa chính đo đạc chỉnh lý từ năm 1995 – 1996, việc đo đạc, tính diện tích được thực hiện bằng phương pháp thủ công, thiếu chính xác hơn*."

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 771,1m^2, thuộc một phần thửa 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đ. Ông Đ có đầy đủ quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai 2013. Do đó việc ông N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 ngăn cản không cho ông Đ canh tác trên phần đất này là trái với quy định của pháp luật.

[4] Đối với lời trình bày của bị đơn ông Đặng Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bảy cho rằng phần đất đang tranh chấp là của gia đình bà bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1, trước đây đã bán cho ông Giang Văn T và bị ông Đ lấn chiếm nên ngăn cản không cho ông Đ quản lý và sử dụng phần đất này. Xét thấy: ông N không có yêu cầu phản tố, bà B không có yêu cầu độc lập và cũng không có cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh phần đất của mình bị lấn chiếm, do đó HĐXX không có cơ sở xem xét.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Số tiền là 7.232.300 đồng (bảy triệu, hai trăm ba mươi hai ngàn, ba trăm đồng) do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Đ Thanh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bảy, ông Đ Thanh Bình, ông Đ Thanh Phong, ông Đ Thanh Vũ, ông Đ Trường Giang, ông Đ Hoàng Thương, ông Đ Văn Đời, ông Đ Văn Đạo phải chịu.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông Lý Văn Đ không phải chịu án phí, bị đơn ông Đặng Thanh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V,

ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 244; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158, Điều 163, Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn Đ.

Buộc ông Đặng Thanh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 trả lại cho ông Lý Văn Đ phần đất có diện tích 771,1m^2, thuộc một phần thửa 731, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như sau:

Hướng Đông: Giáp đất ông Trương Văn T có số đo 13,2m;

Hướng Tây: Giáp đất ông Trương Văn R có số đo 10,6m.

Hướng Bắc: Giáp phần không tranh chấp có số đo 70,3m+ 5,1m.

Hướng Nam: Giáp đất ông Đặng Thanh N (phần không tranh chấp) có số đo 63m + 4,6m.

Trên phần đất tranh chấp có 07 cây chuối loại A; 02 cây chuối loại B; cây cau 02 cây loại A và dừa 05 cây loại B.

2. Về chi phí tố tụng: Số tiền là 7.232.300 đồng (Bảy triệu, hai trăm ba mươi hai ngàn, ba trăm đồng) ông Đặng Thanh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 phải chịu; ông Lý Văn Đ đã nộp xong. ông Đặng Thanh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Đ số tiền 7.232.300 đồng (Bảy triệu, hai trăm ba mươi hai ngàn, ba trăm đồng).

3. Về án phí: Ông Lý Văn Đ không phải chịu án phí. Bị đơn ông Đặng Thanh N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà bà Nguyễn Thị B, ông Đặng Thanh B, ông Đặng Thanh P, ông Đặng Thanh V, ông Đặng Trường G, ông Đặng Hoàng T, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Đ1 phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản bán theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà